

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2025

V/v tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Xông Pha

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Trùng D, sinh năm 1994; Cư trú: Ấp 10A, xã T, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Chị Huỳnh Mộng N, sinh năm 1992; Cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Võ Trùng D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Võ Trùng D và chị Huỳnh Mộng N chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn. Do tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng không còn chung sống từ năm 2016 đến nay, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với chị N nên anh D yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Võ Vũ Hảo, sinh ngày 22/3/2013 và Võ Hảo Tâm, sinh ngày 20/02/2015. Từ khi vợ chồng không chung sống thì chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hảo. Khi ly hôn, anh D yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hảo, chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm. Đôi bên tự thực hiện việc cấp dưỡng cho

con theo khả năng thực tế của bản thân; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Huỳnh Mộng N: Tòa án đã triệu tập họp lệ chị N để tham dự phiên tòa nhưng chị N không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N về các nội dung khởi kiện của anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Huỳnh Mộng N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Võ Trùng D và chị Huỳnh Mộng N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị N.

[3] Về con chung: Anh D và chị N có hai người con chung tên Võ Vũ Hảo, sinh ngày 22/3/2013 và Võ Hảo Tâm, sinh ngày 20/02/2015.

Xét thấy, từ khi anh D và chị N không còn chung sống vào năm 2016, cháu Hảo do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Tâm do chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên các cháu đã có sự gắn bó, thân thiết với người đã trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Hảo có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn; chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu về con chung của anh D; căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Hảo và cháu Tâm, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D, giao cháu Hảo cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Tâm cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Anh D xác định giữa anh D và chị N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Anh D xác định giữa anh D và chị N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị N nên

Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Trùng D.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Võ Trùng D và chị Huỳnh Mộng N.

- Về con chung:

Giao cháu Võ Vũ Hảo, sinh ngày 22/3/2013 cho anh Võ Trùng D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Mộng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hảo mà không ai được cản trở; chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Hảo được sống chung với anh D.

Giao cháu Võ Hảo Tâm, sinh ngày 20/02/2015 cho chị Huỳnh Mộng N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Võ Trùng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tâm mà không ai được cản trở; anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Tâm được sống chung với chị N.

Cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Anh Võ Trùng D phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005099 ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ, chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Võ Trùng D có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Huỳnh Mộng N

có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà